TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-PT
Ngày 09-11-2018
V.v Tranh chấp đòi QSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà
Ông Trần Xuân Bằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham dự phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59A/QĐXX – PT ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1953
Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1958

Đều có địa chỉ tại: Khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L: Ông Nhâm Văn H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 16, ngách 77/4, Lê Hồng Ph, phường Đ B, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1940
Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1940

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1963

Đều có địa chỉ tại: Khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt ông Ph, bà Đ, có mặt các đương sự khác)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai và các chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 76, tờ bản đồ địa Chnh số 04 tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của bố mẹ đẻ ông Ph là cụ Nguyễn Văn H đã chết từ lâu (không nhớ năm nào) và cụ Nguyễn Thị Nh, chết năm 1993. Cụ H và cụ Nh có 02 người con nhưng một người đã chết khi còn trẻ và ông Nguyễn Văn Ph. Sau khi cụ H và cụ Nh chết, ông Ph là người duy nhất hưởng di sản của bố mẹ để lại. Năm 2002, ông Ph bà L mua thêm của hộ ông Nguyễn Văn T 32m^2 đất liền kề với thửa đất số 76 về hướng Tây. Năm 2007 khi nhà nước đo đạc xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất thì thửa đất số 76 có diện tích là 676,3m², bao gồm cả diện tích đất vợ chồng ông bà mua của ông T, đứng tên chủ sử dụng đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về hướng Đông của thửa đất số 76 giáp thửa đất số 74 thuộc quyền sử dụng ông Nguyễn Văn Th và vợ bà Nguyễn Thị Đ, theo đo đạc hiện trạng của nhà nước năm 2007, phần đất giáp ranh giữa hai thửa đất dài khoảng hơn 20m. Khoảng tháng 5/2016 gia đình ông Th có xây nhà trên thửa đất số 74. Do ông bà kinh doanh buôn bán tại khu Th A, thị trấn H Nh nên thường xuyên vắng nhà, nhà khóa cửa, khóa cổng, không có người trông nom. Đ khoảng tháng 01/2017, ông bà về thăm nhà thì thấy ông Th đã xây bức tường lấn sang đất nhà bà khoảng hơn 10m^2, nhưng khi Tòa án tiến hành đo đạc hiện trạng thì hộ ông Th chỉ xây tường lấn sang đất nhà ông bà có 7,8m^2 so với đo đạc hiện trạng của nhà nước năm 2007. Tuy nhiên ông bà đồng ý với kết quả đo đạc của Tòa án. Việc gia đình ông Th xây tường lấn sang đất nhà ông bà không ảnh hưởng đến việc sinh hoạt ăn ở, đi lại của gia đình bà nhưng ảnh hưởng đến tâm linh, phong thủy của thửa đất, vì vậy bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Th phải tháo dỡ bức tường, trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho gia đình bà theo như đo đạc hiện trạng năm 2007. Ông bà nhất trí với lời trình bày của ông H tại phiên tòa.

Ông Nhâm Văn H trình bày: Ông đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L. Nếu như có việc ông Ph cho ông Th đất để xây tường như anh Kh trình bày tại phiên tòa thì theo quy định của pháp luật việc tặng cho này cũng vô hiệu, vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Th phải phá dỡ bức

tường đã xây để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Ph, bà L theo đúng hiện trạng đã được xác định năm 2007. Tại đơn khởi kiện vợ chồng bà L có yêu cầu vợ chồng ông Th phải bồi thường số tiền 25.000.000 đồng do việc ông Th xây tường đè lên phần móng ngôi nhà bếp gây lún nứt, nhưng nay bên nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện này. Chi phí tố tụng gồm chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc hiện trạng hai thửa đất số 74 và số 76) hết 6.035.000 đồng, bên nguyên đơn đã tạm ứng chi, tự nguyện chịu toàn bộ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh Nguyễn Văn Kh trình bày:

Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04, diện tích 456,1m^2 tại thôn K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ. Hướng Tây của thửa đất tiếp giáp với thửa đất số 76 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L. Vào tháng 6/2016, bố mẹ anh có xây nhà trên thửa đất số 74, anh được bố mẹ anh giao cho trông nom quán xuyến phần xây dựng. Sau khi xây nhà xong phần thô, đến khoảng tháng 11-12/2016 thì gia đình anh tiến hành đào móng xây tường bao xung quanh thửa đất, trong đó có cả bức tường ngăn cách thửa đất số 74 với thửa đất số 76 dài khoảng 20m. Đào móng và xây móng xong gia đình anh không xây tường ngay mà để đó, đến khi hoàn thiện xong bức tường sau khoảng 8 tháng. Do phần giáp ranh giữa hai thửa đất không thẳng mà là đường dích dắc, vì vậy trước khi xây tường gia đình anh có sang gặp ông Ph, bà L 03 lần, mục đích xin ông Ph, bà L một phần đất, không cụ thể là bao nhiêu m^2 để xây tường cho thẳng đẹp cả hai nhà, không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt của gia đình ông Ph, bà L, và được ông Ph và bà L đồng ý, khi xin đất gia đình anh có mang tiền theo đưa cho ông Ph, bà L để bù đắp phần đất đã cho gia đình anh nhưng ông Ph, bà L không lấy tiền. Khi gia đình anh đào móng xây tường ông Ph có về chứng kiến, căng dây đo mốc và chỉ cho thợ xây xây sang phần đất mà ông Ph đã cho bố mẹ anh. Khi đào móng xây tường có ông Ph, bố anh (ông Th), anh Hà Văn Kh là chủ cai xây dựng và anh Trần Đăng Kh là người giúp anh Hà Văn Kh căng dây đặt móng theo hướng dẫn của ông Ph. Trong thời gian xây tường vợ chồng ông Ph thường xuyên có mặt ở nhà, nhiều lần đứng xem thợ làm. Khi xây tường xong ông Ph có nói với ông Nguyễn Hữu Ch ở cùng khu, nguyên là Bí thư chi bộ của khu là "*chú thím Kh cứ đòi trả tiền phần đất xây sang nhưng cháu không lấy*".

Anh Kh xác định khi bố mẹ anh xây bức tường ngăn cách giữa hai thửa đất có xây sang đất của ông Ph, bà L, cụ thể bao nhiêu m^2 anh không biết, nhưng việc xây sang được sự đồng ý của ông Ph, bà L. Bố mẹ anh xây bức tường rất kiên cố, ở ngầm bên dưới có đường nước thải, đường điện. Nếu như trong khi đang xây dựng bức tường mà ông Ph, bà L thay đổi quan điểm không cho đất

nữa thì gia đình anh sẽ phá bỏ bức tường và xây đúng mốc giới, nhưng khi xây xong nhà ở và tường bao khoảng 05 đến 06 tháng thì ông Ph, bà L mới khởi kiện đòi đất, nếu phải phá dỡ bức tường thì ngoài thiệt hại về kinh tế cho gia đình anh còn ảnh hưởng đến kiến trúc của ngôi nhà rất khó khắc phục do liên quan đến hệ thống điện, nước. Vì vậy quan điểm của bố mẹ anh là xin được mua lại diện tích đất đã xây tường bao sang đất ông Ph, bà L theo như đo đạc của Tòa án là 7,8m^2 x giá đất theo định giá của Tòa án là 1.200.000đ/m^2 = 9.360.000 đồng, bố mẹ anh hỗ trợ thêm cho ông Ph, bà L 10.640.000 đồng, tổng là 20.000.000 đồng.

Người làm chứng là ông Trần Đăng Kh trình bày: Vào khoảng đầu năm 2017, thời gian cụ thể ông không nhớ, hôm đó ông Th, bà Đ đào móng xây tường ngăn cách giữa thửa đất nhà ông Th với thửa đất nhà ông Ph, ông Th có gọi ông Đ nhờ cầm hộ một đầu dây để xác định mốc giới, hôm đó ông Ph có mặt để cùng ông Th căng dây xác định mốc giới để xây tường.

Người làm chứng là ông Nguyễn Hữu Ch trình bày: Vào năm 2017, thời gian cụ thể ông không nhớ, ông Ph có sang nhà ông chơi, có nói chuyện với ông về việc vợ chồng anh Kh sang nói chuyện với vợ chồng ông Ph xin một ít đất để xây tường cho thẳng đẹp cả hai nhà, và được vợ chồng ông Ph đồng ý, vợ chồng anh Kh có gửi vợ chồng ông Ph một ít tiền nhưng vợ chồng ông Ph không nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình đã áp dụng: Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 99 của luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L. Xác định ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ đã xây tường bao sang thửa đất số 76, tờ bản đồ số 04, diện tích 676,3m^2 tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L, diện tích xây sang là 7,8m² ở hướng Đông, giáp thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04, diện tích 456 m² tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Th và bà Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ph và bà L về việc buộc ông Th và bà Đ phải phá dỡ bức tường bao đã xây để trả lại ông Ph và bà L 7,8m^2 đất. Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng 7,8m^2 đất (bao gồm cả phần đất trên có bức tường do ông Th và bà Đ xây) tại thửa số 76, tờ bản đồ số 04, tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Ph và bà L mà ông Th và bà Đ đã xây tường sang. Ranh giới giữa thửa đất số 76 (thuộc quyền sử dụng của ông Ph và bà L) và thửa đất số 74

(thuộc quyền sử dụng của ông Th và bà Đ) được phân định bằng bức tường bao dài 20,63m do ông Th và bà Đ xây dựng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng 7,8m^2 đất là 9.360.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Th và bà Đ hỗ trợ thêm cho ông Ph và bà L số tiền 10.640.000 đồng, tổng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Ph và bà L đối với ông Th và bà Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2018, ông Ph bà L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị tòa phúc thẩm tuyên hủy điểm 2 quyết định của Bản án số 05/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, buộc gia đình ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ phải trả lại phần đất mà ông Th bà Đ xây dựng tường bao lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng của ông bà.

Tại phiên tòa, ông Ph bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Tòa án buộc ông Th bà Đ phải tháo dỡ bức tường bao đã xây để trả lại ông bà 7,8m^2 thuộc quyền sử dụng đất của ông bà. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bên đương sự chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơngiữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa vắng mặt ông Ph nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Ph, bà Đ.

[2] **Về nội dung, xét kháng cáo của nguyên đơn:**

[2.1] Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ là chủ sử dụng thửa đất số 74 liền kề với thửa số 76, tờ bản đồ số 04 của ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L ở khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình. Do có nhu cầu xây dựng tường bao xung quanh nhà, ông Th cùng con trai là anh Nguyễn Văn Kh đã nhiều lần Đ đặt vấn đề xin ông Ph và bà L một phần diện tích đất để xây

dựng. Tháng 11/2016 gia đình ông Th đã tiến hành xây dựng bức tường bao tiếp giáp với nhà ông Ph. Quá trình xây gia đình ông Th đã sang phần đất nhà ông Ph diện tích là 7,8m^2 (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2018, các đương sự đồng ý với kết quả đo đạc này). Ông Th cũng thừa nhận có việc xây sang phần đất ông Ph, bà L. Do vậy, án sơ thẩm xác định việc xây dựng tường bao của ông Th bà Đ sang phần đất của ông Ph bà L diện tích 7,8m^2 là đúng.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Th, bà Đ phải phá dỡ phần tường bao lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Ph bà L:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của những người làm chứng thể hiện trước khi tiến hành xây dựng tường bao gia đình ông Th, bà Đ đã nói với ông Ph, bà L về việc xây dựng này và đã được gia đình ông Ph đồng ý. Quá trình xây dựng gia đình ông Ph biết nhưng không có ý kiến gì, do đó xác định việc gia đình ông Th xây tường bao sang phần đất của gia đình ông Ph có sự đồng ý của gia đình ông Ph. Xét thấy diện tích đất mà ông Th bà Đ xây tường bao sang đất của ông Ph bà L là rất Nh so với toàn bộ diện tích thửa đất, vị trí bức tường không ảnh hưởng đến cảnh quan khuôn viên nhà ông Ph bà L, không ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, ăn ở đi lại của gia đình ông bà. Mặt khác, thiệt hại của việc phá dỡ bức tường lớn hơn rất nhiều so với giá trị của phần đất bị lấn sang, ngoài thiệt hại về kinh tế còn có thể gây ảnh hưởng đến hệ thống đường điện, đường nước và kiến trúc của ngôi nhà, rất khó khắc phục (theo kết quả định giá giá trị bức tường là 50.095.046đ). Quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Cần giữ nguyên hiện trạng đất, ông Th bà Đ được quyền sử dụng 7,8m^2 đất đang có tranh chấp. Buộc ông Th bà Đ phải thanh toán cho ông Ph bà L giá trị quyền sử dụng 7,8m^2 đất là 9.360.000 đồng là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu kháng cáo buộc ông Th, bà Đ tháo dỡ bức tường bao của ông Ph bà L không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ph, bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; điểm d khoản 1 Điều 99 của Luật Đất Đai; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên án sơ thẩm số 05/2018/DS-DT ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L. Xác định ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ đã xây tường bao sang thửa đất số 76, tờ bản đồ số 04, diện tích 676,3m^2 tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L, diện tích xây sang là 7,8m² ở hướng Đông, giáp thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04, diện tích 456 m² tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Th và bà Đ.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ph và bà L về việc buộc ông Th và bà Đ phải phá dỡ bức tường bao đã xây để trả lại ông Ph và bà L 7,8m^2 đất. Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng 7,8m^2 đất (bao gồm cả phần đất trên có bức tường do ông Th và bà Đ xây) tại thửa số 76, tờ bản đồ số 04, tại khu K Th, thị trấn H Nh, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Ph và bà L mà ông Th và bà Đ đã xây tường sang. Ranh giới giữa thửa đất số 76 (thuộc quyền sử dụng của ông Ph và bà L) và thửa đất số 74 (thuộc quyền sử dụng của ông Th và bà Đ) được phân định bằng bức tường bao dài 20,63m do ông Th và bà Đ xây dựng.

1.3. Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng 7,8m^2 đất là 9.360.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Th và bà Đ hỗ trợ thêm cho ông Ph và bà L số tiền 10.640.000 đồng, tổng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.4. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Ph và bà L đối với ông Th và bà Đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp lật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông Ph, bà L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0005407 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân h H H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lương Hải Yến